

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v Ly hôn giữa bà Liễu-ông Hùng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hoàn;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa 08 /2020/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1969.

Bị đơn: ông Lê Văn H, sinh năm 1967.

Đều có địa chỉ tại: thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Liễu trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lê Văn H đăng ký kết hôn ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn giữa ông bà trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Do quan điểm, lối sống của ông bà có nhiều khác biệt. Cụ thể, trong thời gian chung sống, bà nghi ngờ và đã có lần bắt gặp ông H sử dụng chất ma túy. Bà L đã yêu cầu ông H không được sử dụng ma túy nữa nhưng ông vẫn cố ý sử dụng, ma túy hủy hoại con

người và gây suy kiệt kinh tế gia đình. Vì vậy, ông bà đã cãi nhau, và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Ông H đã nhiều lần gọi điện thoại cho bà nhưng bà không nghe máy, vì bà L xác định không còn tình cảm và không muốn chung sống cùng với ông H nữa. Giữa ông bà từ lâu không có sự chia sẻ về tình cảm và kinh tế riêng biệt.

Về con chung: bà L ông H không có con chung. Bà L cũng không có thai. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung giữa ông bà.

Về tài sản: bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung giữa ông bà.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án lấy lời khai, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:*

Ông đã được nhận đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, các giấy báo đến làm việc của Tòa án nhưng do ông không đồng ý ly hôn với bà L nên không đến Tòa án làm việc.

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà L đăng ký kết hôn năm 2018. Quá trình chung sống, bà L vì tiền nên xin ly hôn. Hiện nay bà L đang làm osin ở thành phố Hà Nội.

Ông và bà L không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

*Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2020 tại UBND xã L có nội dung như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L ông H đăng ký kết hôn ngày 22/3/2018 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn P nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Sau đó thì bà L đi lao động ở Hà Nội, thỉnh thoảng đi về địa phương nhưng chỉ sinh hoạt ở nhà anh chị em bà L chứ không chung sống với ông H. Về nguyên nhân địa phương được biết do ông H sử dụng chất cấm. Hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp, khuyên bảo nhưng ông H vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Hiện nay ông H bà L sống ly thân.

Bà L ông H không có con chung, không có tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Lê Thị L ly hôn ông Lê Văn H; về con chung không có; về tài sản chung: không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn ông Lê Văn H, ông H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà L, ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: bà Lê Thị L và ông Lê Văn H đã đăng ký kết hôn ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H sử dụng chất cấm, bà L và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi. Hiện ông bà sống ly thân, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ về kinh tế, tình cảm. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Văn H.

[3] Về nuôi con chung: bà L ông H đều xác định ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: bà Lê Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 6, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị L được ly hôn ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Quan hệ tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai số 0001477 ngày 10 tháng 12 năm 2019 sang thi hành án phí. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị L, ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

( đã ký)

**Phan Anh Tuấn**